

# Checklist chứng từ nhập khẩu

**Nhập khẩu**

Checklist chứng từ xuất khẩu, áp dụng phổ biến trong hoạt động logistics và phù hợp để huấn luyện nhân viên hoặc gửi khách hàng kiểm tra trước khi làm thủ tục

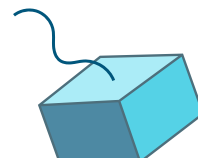
|                          |                                                    |                                                                                           |                           |
|--------------------------|----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|
| <input type="checkbox"/> | <b>Hợp đồng thương mại (Sales Contract)</b>        | Căn cứ pháp lý giao dịch giữa người mua và người bán                                      | ✅ Bắt buộc                |
| <input type="checkbox"/> | <b>Hóa đơn thương mại (Commercial Invoice)</b>     | Ghi chi tiết giá trị, điều kiện thanh toán, mô tả hàng hóa                                | ✅ Bắt buộc                |
| <input type="checkbox"/> | <b>Phiếu đóng gói (Packing List)</b>               | Số kiện, trọng lượng, quy cách đóng gói hàng hóa                                          | ✅ Bắt buộc                |
| <input type="checkbox"/> | <b>Vận đơn (Bill of Lading / Airway Bill)</b>      | Vận đơn đường biển / hàng không – do hãng phát hành                                       | ✅ Bắt buộc                |
| <input type="checkbox"/> | <b>Tờ khai hải quan xuất khẩu</b>                  | Khai báo trên hệ thống VNACCS                                                             | ✅ Bắt buộc                |
| <input type="checkbox"/> | <b>Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O)</b>               | Form E, D, AK, CPTPP... – để hưởng ưu đãi thuế nhập khẩu                                  | ◆ Nếu hưởng ưu đãi thuế   |
| <input type="checkbox"/> | <b>Phiếu an toàn hóa chất (MSDS)</b>               | Với hàng hóa là hóa chất, pin, hàng nguy hiểm...                                          | ◆ Theo loại hàng          |
| <input type="checkbox"/> | <b>Giấy phép nhập khẩu</b>                         | Với hàng thuộc diện quản lý chuyên ngành: thiết bị y tế, phân bón, thực phẩm chức năng... | ◆ Tùy mặt hàng            |
| <input type="checkbox"/> | <b>Chứng nhận kiểm dịch/ kiểm tra chuyên ngành</b> | Kiểm dịch động vật, thực vật, VSATTP, chất lượng, kỹ thuật..                              | ◆ Theo yêu cầu hải quan   |
| <input type="checkbox"/> | <b>Chứng thư hun trùng/ chứng nhận khử trùng</b>   | Với hàng gỗ, nông sản, pallet gỗ                                                          | ◆ Theo quy định từng nước |
| <input type="checkbox"/> | <b>Catalog / hình ảnh / chứng minh công dụng</b>   | Với hàng khó phân loại, hàng xin mã HS mới                                                | ◆ Khi cần xác minh thêm   |

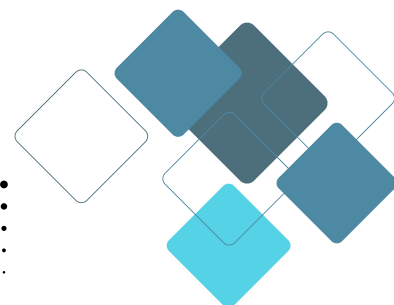
## Ghi chú quan trọng:

Mọi chứng từ nên thống nhất thông tin: tên hàng, số lượng, trọng lượng, mã HS, điều kiện giao hàng (Incoterms).

Với luồng vàng/đỏ, cần chuẩn bị sẵn bản scan PDF hoặc bản gốc để nộp/xuất trình.

Đối với L/C (thanh toán tín dụng chứng từ): chứng từ cần đúng 100% với điều khoản L/C.

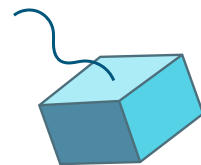
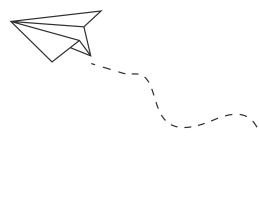
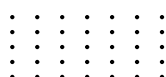
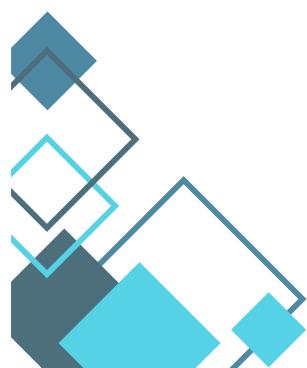


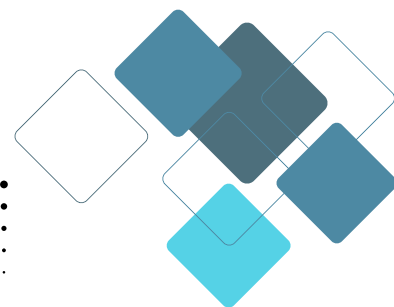


# Checklist chứng từ xuất khẩu

Checklist chứng từ nhập khẩu, áp dụng phổ biến trong hoạt động logistics và phù hợp để huấn luyện nhân viên hoặc gửi khách hàng kiểm tra trước khi làm thủ tục

|                          |                                                |                                                                                      |                              |
|--------------------------|------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|
| <input type="checkbox"/> | <b>Hợp đồng thương mại (Sales Contract)</b>    | Thỏa thuận giữa bên bán và bên mua về điều kiện giao dịch                            | ✅ Bắt buộc                   |
| <input type="checkbox"/> | <b>Hóa đơn thương mại (Commercial Invoice)</b> | Ghi chi tiết giá trị, điều kiện thanh toán, mô tả hàng hóa                           | ✅ Bắt buộc                   |
| <input type="checkbox"/> | <b>Phiếu đóng gói (Packing List)</b>           | Thông tin về số kiện, trọng lượng, kích thước, quy cách đóng gói                     | ✅ Bắt buộc                   |
| <input type="checkbox"/> | <b>Vận đơn (Bill of Lading / Airway Bill)</b>  | Chứng từ vận chuyển – do hãng tàu hoặc hãng bay phát hành                            | ✅ Bắt buộc                   |
| <input type="checkbox"/> | <b>Tờ khai hải quan xuất khẩu</b>              | Được khai và thông quan trên hệ thống VNACCS                                         | ✅ Bắt buộc                   |
| <input type="checkbox"/> | <b>Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O)</b>           | Cấp để hưởng ưu đãi thuế (Form A, E, D, CPTPP...)                                    | ◆ Theo yêu cầu của khách mua |
| <input type="checkbox"/> | <b>Giấy phép xuất khẩu</b>                     | Áp dụng với hàng hóa cần quản lý chuyên ngành (động/thực vật, phế liệu, hóa chất...) | ◆ Theo yêu cầu của khách mua |
| <input type="checkbox"/> | <b>Chứng thư hun trùng / kiểm dịch</b>         | Với hàng gỗ, hàng nông sản, thực phẩm                                                | ◆ Theo yêu cầu của khách mua |
| <input type="checkbox"/> | <b>Chứng từ bảo hiểm (nếu CIF)</b>             | Giấy chứng nhận bảo hiểm hàng hóa khi giao theo điều kiện CIF                        | ◆ Nếu có thỏa thuận          |
| <input type="checkbox"/> | <b>MSDS / Phiếu an toàn hóa chất</b>           | Với hàng hóa nguy hiểm (pin, sơn, hóa chất...)                                       | ◆ Nếu có thỏa thuận          |





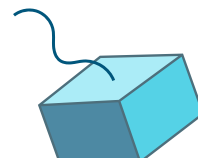
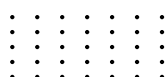
# Checklist kiểm tra chuyên ngành

Checklist kiểm tra chuyên ngành cho hàng nhập khẩu – dùng để xác định xem một mặt hàng có thuộc diện kiểm tra, xin phép, hoặc đáp ứng quy định của cơ quan chuyên ngành trước khi làm thủ tục hải quan.

- |                          |                                                                     |                                                                                              |                                                                        |
|--------------------------|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
| <input type="checkbox"/> | <b>Kiểm tra mã HS có thuộc diện quản lý chuyên ngành không?</b>     | Đối chiếu biểu HS với các phụ lục tại Nghị định 69/2018/NĐ-CP, Nghị định 85/2019/NĐ-CP, v.v. | <input checked="" type="checkbox"/> <b>Bắt buộc</b>                    |
| <input type="checkbox"/> | <b>Hàng có cần kiểm tra chất lượng không?</b>                       | Áp dụng với điện tử, máy móc, thiết bị, vật liệu xây dựng, đồ điện...                        | ◆ Theo danh mục Bộ KHCN, Bộ Công Thương                                |
| <input type="checkbox"/> | <b>Hàng có cần kiểm dịch thực vật/động vật không?</b>               | Với thực phẩm, nông sản, sản phẩm từ động vật, cây trồng, thịt cá...                         | ◆ Theo Bộ NN&PTNT                                                      |
| <input type="checkbox"/> | <b>Hàng có cần công bố hợp quy / hợp chuẩn không?</b>               | Đối với mỹ phẩm, TPCN, thiết bị y tế, đồ điện gia dụng...                                    | ◆ Theo TCVN hoặc QCVN                                                  |
| <input type="checkbox"/> | <b>Có cần khai báo hóa chất không?</b>                              | Nếu có chứa hóa chất thuộc danh mục Nghị định 113/2017/NĐ-CP                                 | ◆ Yêu cầu MSDS                                                         |
| <input type="checkbox"/> | <b>Có cần xin giấy phép nhập khẩu không?</b>                        | Thiết bị y tế, văn hóa phẩm, sản phẩm ảnh hưởng an ninh quốc gia...                          | ◆ Theo từng bộ quản lý                                                 |
| <input type="checkbox"/> | <b>Hàng có cần kiểm định/giám định không?</b>                       | Áp dụng với phế liệu, hàng tái chế, hoặc khi hải quan yêu cầu                                | ◆ Trường hợp đặc biệt                                                  |
| <input type="checkbox"/> | <b>Có cần dán nhãn phụ /ghi nhãn tiếng Việt không?</b>              | Với mỹ phẩm, thực phẩm, đồ gia dụng... theo Nghị định 111/2021/NĐ-CP                         | <input checked="" type="checkbox"/> <b>Bắt buộc</b> với hàng tiêu dùng |
| <input type="checkbox"/> | <b>Có cần thực hiện kiểm tra nhà máy sản xuất (Pre-Inspection)?</b> | Đôi khi được yêu cầu bởi đối tác nhập khẩu hoặc cơ quan VN                                   | ◆ Theo tuyến/FTA                                                       |
| <input type="checkbox"/> | <b>Đã có hướng xử lý hồ sơ chứng từ chưa?</b>                       | Kiểm tra có sẵn hợp đồng, invoice, packing list, C/O...                                      | <input checked="" type="checkbox"/> <b>Bắt buộc</b>                    |

## Ghi chú thêm:

Nếu hàng thuộc diện kiểm tra chuyên ngành, cần làm thủ tục trước hoặc song song với khai báo hải quan.  
Cần theo dõi các danh mục cập nhật thường xuyên của Bộ Công Thương, Bộ Y tế, Bộ KH&CN, Bộ NN&PTNT, v.v.



# Checklist nhận hàng và lấy hàng tại cảng

**Nhập khẩu**

Checklist nhận hàng và lấy hàng tại cảng, dùng trong quy trình nhập khẩu – áp dụng cho nhân viên hiện trường, điều phối giao nhận, hoặc theo dõi nội bộ

|                          |                                                         |                                                             |                                |
|--------------------------|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|--------------------------------|
| <input type="checkbox"/> | <b>Nhận thông tin ETA / lịch tàu / chuyến bay</b>       | Biết thời gian hàng đến để chuẩn bị                         | ✓ Bắt buộc                     |
| <input type="checkbox"/> | <b>Theo dõi tình trạng phát hành vận đơn (OBL/AWB)</b>  | Cần có bản gốc hoặc bản điện tử để lấy hàng                 | ✓ Bắt buộc                     |
| <input type="checkbox"/> | <b>Khai báo hải quan xong &amp; nhận thông quan</b>     | Là điều kiện tiên quyết để ra hàng                          | ✓ Bắt buộc                     |
| <input type="checkbox"/> | <b>Nhận thông báo hàng đến (Arrival Notice)</b>         | Do hãng tàu hoặc forwarder gửi, có phí & thông tin lấy hàng | ✓ Bắt buộc                     |
| <input type="checkbox"/> | <b>Thanh toán phí local charges / phí cảng (nếu có)</b> | Bao gồm phí D/O, THC, vệ sinh container...                  | ✓ Bắt buộc                     |
| <input type="checkbox"/> | <b>Lấy lệnh giao hàng (Delivery Order – D/O)</b>        | Từ hãng tàu/forwarder để vào cảng/kho nhận hàng             | ✓ Bắt buộc                     |
| <input type="checkbox"/> | <b>Chuẩn bị phương tiện vận chuyển</b>                  | Xe container, xe tải nhỏ, xe lạnh... tùy loại hàng          | ✓ Bắt buộc                     |
| <input type="checkbox"/> | <b>Làm thủ tục vào cổng cảng (ICD/CFS/Airport)</b>      | Trình mã D/O, chứng minh thư, biển số xe...                 | ✓ Bắt buộc                     |
| <input type="checkbox"/> | <b>Xuất trình tờ khai đã thông quan</b>                 | Cảng/Kho yêu cầu để đối chiếu hồ sơ và cấp hàng             | ✓ Bắt buộc                     |
| <input type="checkbox"/> | <b>Ký nhận hàng &amp; kiểm đếm thực tế</b>              | Kiểm tra số lượng, tình trạng bao bì, container...          | ✓ Bắt buộc                     |
| <input type="checkbox"/> | <b>Xử lý phát sinh (thiếu hàng, hư hỏng...)</b>         | Lập biên bản, báo cáo khách, lưu bằng chứng hình ảnh        | ◆ Nếu có vấn đề                |
| <input type="checkbox"/> | <b>Chuyển hàng về kho khách / địa điểm yêu cầu</b>      | Giao tận nơi nếu có chỉ định                                | ✓ Nếu là DDP hoặc giao nội địa |
| <input type="checkbox"/> | <b>Lưu hồ sơ lấy hàng + báo cáo</b>                     | Lưu vận đơn, D/O, biên bản giao nhận, hình ảnh...           | ✓ Bắt buộc                     |

## Ghi chú cho thực tế:

Với hàng air cargo: thủ tục đơn giản hơn nhưng yêu cầu nhanh chóng lấy hàng trong 48h.

Với hàng FCL (nguyên container): cần lưu ý thời gian free demurrage, free storage.

Với hàng LCL / CFS / kho ngoại quan: cần sắp xếp lệnh rút hàng và kiểm đếm kỹ lưỡng.

# Checklist chứng từ thông quan nhập khẩu

**Nhập khẩu**

Checklist chứng từ thông quan nhập khẩu, danh sách các chứng từ cần thiết để làm thủ tục hải quan cho hàng nhập khẩu vào Việt Nam

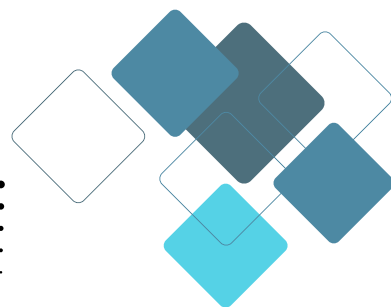
|                          |                                                      |                                                                                 |                               |
|--------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|
| <input type="checkbox"/> | <b>Tờ khai hải quan điện tử (VNACCS)</b>             | Khai báo thông tin lô hàng, làm căn cứ thông quan                               | ✓ Bắt buộc                    |
| <input type="checkbox"/> | <b>Hóa đơn thương mại (Invoice)</b>                  | Khai trị giá hải quan, xác định thuế suất                                       | ✓ Bắt buộc                    |
| <input type="checkbox"/> | <b>Packing List</b>                                  | Dùng để kiểm tra hàng hóa thực tế nếu bị kiểm tra                               | ✓ Bắt buộc                    |
| <input type="checkbox"/> | <b>Vận đơn (B/L, AWB)</b>                            | Xác nhận quyền sở hữu và phương thức vận chuyển                                 | ✓ Bắt buộc                    |
| <input type="checkbox"/> | <b>Hợp đồng thương mại</b>                           | Căn cứ pháp lý cho giao dịch và hồ sơ kiểm tra sau thông quan                   | ✓ Bắt buộc                    |
| <input type="checkbox"/> | <b>C/O – Giấy chứng nhận xuất xứ</b>                 | Xác định xuất xứ để áp thuế ưu đãi (Form E, D, AK, CPTPP...)                    | ◆ Theo yêu cầu miễn/giảm thuế |
| <input type="checkbox"/> | <b>Giấy phép nhập khẩu</b>                           | Với hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành (ví dụ: thiết bị y tế, mỹ phẩm...) | ◆ Tùy theo mặt hàng           |
| <input type="checkbox"/> | <b>Chứng từ kiểm tra chuyên ngành</b>                | Kiểm tra chất lượng, VSATTP, kiểm dịch thực vật, động vật...                    | ◆ Theo yêu cầu kiểm tra       |
| <input type="checkbox"/> | <b>MSDS / Bảng phân tích thành phần</b>              | Bắt buộc nếu hàng là hóa chất, chất dễ cháy, pin lithium...                     | ◆ Theo loại hàng              |
| <input type="checkbox"/> | <b>Phiếu đóng gói / bản mô tả hàng (ảnh/catalog)</b> | Dùng hỗ trợ phân tích mã HS hoặc xử lý tranh chấp mã số                         | ◆ Khi có yêu cầu từ hải quan  |
| <input type="checkbox"/> | <b>Giấy ủy quyền (nếu khai thuê)</b>                 | Trường hợp doanh nghiệp thuê đại lý khai báo                                    | ◆ Nếu khai thuê               |

## Lưu ý cho nhân viên logistics:

Cần kiểm tra luồng phân luồng VNACCS (xanh – vàng – đỏ) để chuẩn bị chứng từ phù hợp.

Với luồng vàng/đỏ, phải scan/upload hoặc nộp bản giấy cho hải quan

Đảm bảo các chứng từ khớp nhau 100% về: tên hàng, số lượng, đơn giá, điều kiện giao hàng, mã HS.



# Checklist chứng từ thông quan xuất khẩu

**Xuất khẩu**

Checklist chứng từ thông quan xuất khẩu, là danh sách các giấy tờ cần thiết để lô hàng được cơ quan hải quan cho phép xuất khẩu hợp pháp ra khỏi Việt Nam

|                          |                                           |                                                                    |                            |
|--------------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|----------------------------|
| <input type="checkbox"/> | <b>Tờ khai hải quan điện tử (VNACCS)</b>  | Khai trên hệ thống và được phân luồng (xanh – vàng – đỏ)           | ✔ Bắt buộc                 |
| <input type="checkbox"/> | <b>Hợp đồng thương mại Sales Contract</b> | Căn cứ pháp lý cho giao dịch xuất khẩu                             | ✔ Bắt buộc                 |
| <input type="checkbox"/> | <b>Hóa đơn thương mại (Invoice)</b>       | Chứng từ thể hiện giá trị giao dịch                                | ✔ Bắt buộc                 |
| <input type="checkbox"/> | <b>Packing List (Phiếu đóng gói)</b>      | Thông tin đóng gói: số lượng, trọng lượng, quy cách                | ✔ Bắt buộc                 |
| <input type="checkbox"/> | <b>Giấy ủy quyền (nếu khai thuê)*</b>     | Doanh nghiệp ủy quyền cho đại lý khai thuê hải quan                | ◆ Nếu khai thuê            |
| <input type="checkbox"/> | <b>Booking / Vận đơn nháp</b>             | Thể hiện kế hoạch vận chuyển (sea/air)                             | ◆ Yêu cầu khi khai sớm     |
| <input type="checkbox"/> | <b>C/O (Giấy chứng nhận xuất xứ)*</b>     | Nếu cần để hưởng ưu đãi thuế từ nước nhập khẩu                     | ◆ Theo từng lô hàng        |
| <input type="checkbox"/> | <b>Giấy phép xuất khẩu (nếu có)*</b>      | Áp dụng cho hàng hóa quản lý chuyên ngành (thực phẩm, hóa chất...) | ◆ Theo chính sách mặt hàng |
| <input type="checkbox"/> | <b>Chứng từ kiểm tra chuyên ngành</b>     | Kiểm dịch thực vật, động vật, an toàn thực phẩm...                 | ◆ Nếu bị yêu cầu           |
| <input type="checkbox"/> | <b>Hình ảnh/bao bì/mẫu tem nhãn</b>       | Có thể bị yêu cầu trong một số trường hợp cần xác minh thực tế     | ◆ Theo luồng đỏ            |

## Ghi chú thêm:

Luồng xanh: Không cần nộp chứng từ giấy, chỉ cần lưu giữ nội bộ.

Luồng vàng: Nộp bản scan chứng từ lên hệ thống.

Luồng đỏ: Nộp bản giấy, có thể kiểm tra thực tế hàng hóa.

